

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Kim San.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 64/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 109/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Hồng H, nơi cư trú: Thôn 8, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Vũ Thị H1, nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: Thôn 8, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: **Nhật Bản**. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Vũ Hồng H trình bày:

Anh kết hôn với chị Vũ Thị H1 trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 3 năm 2014. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chị H1 đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng không tin tưởng

vào nhau về kinh tế, tình cảm. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh và chị H1 đã từ lâu không liên lạc với nhau nữa. Chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình mẹ chị là bà Vũ Thị X, địa chỉ: Thôn 7, xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng. Nay, anh H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Vợ chồng anh và chị H1 có một con chung là Vũ Tâm N, sinh ngày 08/11/2014. Hiện nay, cháu đang ở với bà ngoại. Ly hôn, anh H đề nghị để cho chị H1 được nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị H1 xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, anh H xin tự thỏa thuận với chị H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Vũ Thị H1:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho mẹ đẻ của chị H1 là bà Vũ Thị Hồng X (tên gọi khác là Vũ Thị X). Tòa án đã 2 lần thông báo cho bà Vũ Thị Hồng X cung cấp địa chỉ của chị H1 ở Nhật Bản và yêu cầu bà X cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho chị H1 để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà X thể hiện: Chị H1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà Nng bà không biết địa chỉ cụ thể chị H1 ở Nhật Bản. Bà X thông báo cho chị H1 về yêu cầu của Tòa án. Tuy nhiên chị H1 bận công việc nên không gửi lời khai hay bất cứ tài liệu nào khác về cho Tòa án. Bà X cho biết: Quan điểm của chị H1 là đồng ý ly hôn với anh H với điều kiện chị H1 được nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa, anh Vũ Hồng H và chị Vũ Thị H1 đều vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của anh H, anh vẫn giữ nguyên lời khai N tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Vũ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Vũ Hồng H và chị Vũ Thị H1 xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Về con chung: Giao con chung là Vũ Tâm N, sinh ngày 08/11/2014 cho chị H1 nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh H xin tự giải quyết với chị H1 nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Anh H xin tự giải quyết với chị H1, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Nguyên đơn anh Vũ Hồng H hiện nay đang sinh sống tại Hải Phòng, bị đơn chị Vũ Thị H1 đang sinh sống ở Nhật Bản, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Vũ Hồng H và chị Vũ Thị H1 đều vắng mặt, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Vũ Thị H1: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Nng chị Vũ Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đánh giá N sau:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hồng H và chị Vũ Thị H1 xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng vào ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo quy định tại Điều 9, Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chị H1 đi lao động tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng không tin tưởng vào nhau về kinh tế, tình cảm. Chính vì sự xa cách về địa lý nên vợ chồng tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh H và chị H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ

cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh H.

[4] Về con chung: Anh Vũ Hồng H và chị Vũ Thị H1 có một con chung là: Vũ Tâm N, sinh ngày 08/11/2014. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù chị H1 ở nước ngoài Nng hiện tại con chung đang ở với mẹ chị H1, con chung vẫn được chăm sóc tốt. Mặt khác, anh H thường xuyên đi làm, không có điều kiện chăm sóc con chung. Anh H và gia đình chị H1 đều đề nghị để cho chị H1 được nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao con chung cho chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H xin tự giải quyết với chị H1 nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Vũ Hồng H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Vũ Thị H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Hồng H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Hồng H và chị Vũ Thị H1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Hồng H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Hồng H được ly hôn chị Vũ Thị H1.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Tâm N, sinh ngày 08/11/2014 cho chị Vũ Thị H1 nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác

theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Hồng H không yêu cầu giải quyết, anh xin tự giải quyết với chị Vũ Thị H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Vũ Hồng H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, anh xin tự giải quyết với chị Vũ Thị H1 nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Hồng H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0008540 ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Hồng H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H1 (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Anh Vũ Hồng H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã HT, huyện TL, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến

